

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng hơn 8 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,250.37 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 10/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bất động sản, Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index đã vượt qua vùng 1,200 – 1,240 nhưng thanh khoản vẫn còn thấp, tiềm ẩn áp lực chốt lời, nhất là khi chỉ số tiếp cận các vùng tâm lý cũ. Trong những phiên giao dịch tới, nếu VN-Index có thể vượt qua 1,250 với sự ủng hộ của dòng tiền thì có khả năng sẽ tiếp tục trở về 1,270 – 1,275.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 07/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.42** điểm, đóng cửa tại **1250.37** điểm. HNX-Index **+0.52** điểm, đóng cửa tại **213.41** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.73)**, **VHM (+1.09)**, **BSR (+0.90)**, **HVN (+0.77)**, **GVR (+0.53)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MBB (-0.43)**, **MSN (-0.37)**, **HDB (-0.24)**, **CTG (-0.19)**, **MWG (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,448** tỷ đồng, giảm **-3.94%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,124 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.59 điểm. Thị trường có **187** mã tăng, 55 mã tham chiếu, **132** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **899.55** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DXG (104.76 tỷ)**, **NLG (102.09 tỷ)**, **GEX (99.54 tỷ)**, **VIC (90.69 tỷ)**, **HVN (75.59 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.14** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.49%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - BSR (+6.97%)**
 - KDH (+5.54%)**
 - KBC (+3.40%)**
- BSC50 **+1.15%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - NLG (+6.97%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - HDC (+5.64%)**
 - PC1 (+4.94%)** [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.49%	1.15%	0.68%	0.39%
1 tuần	1.80%	2.28%	1.96%	1.15%
1 tháng	4.39%	2.66%	3.28%	3.46%
3 tháng	-8.19%	-7.40%	-1.66%	-0.88%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,250.37	213.41	92.92
% 1D	0.68%	0.24%	-0.02%
GTKL (tỷ VND)	15,448	933	343
%1D	-3.94%	-9.41%	-41.40%
GDNN (tỷ VND)	899.55	4.14	-16.46

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DXG	104.76	VRE	-78.25
NLG	102.09	VCB	-57.88
GEX	99.54	SSI	-47.09
VIC	90.69	CTD	-30.81
HVN	75.59	PVD	-24.32

Thị trường thế giới

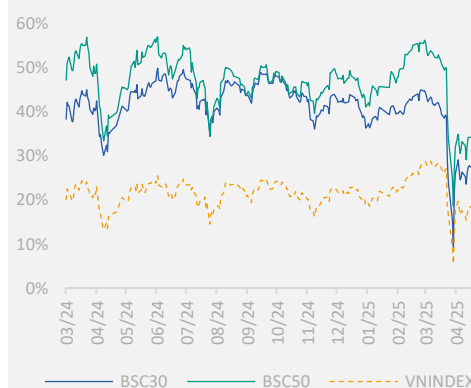
		%D	%W
SPX	5,607	-0.77%	0.83%
FTSE100	8,597	0.01%	2.14%
Eurostoxx	5,257	-0.54%	1.50%
Shanghai	3,337	0.64%	1.28%
Nikkei	36,780	-0.14%	3.19%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.74	0.95%
Giá vàng	3,383	-0.66%
Tỷ giá		
USD/VND	26,140	-0.04%
EUR/VND	30,254	-0.04%
JPY/VND	186	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.01%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



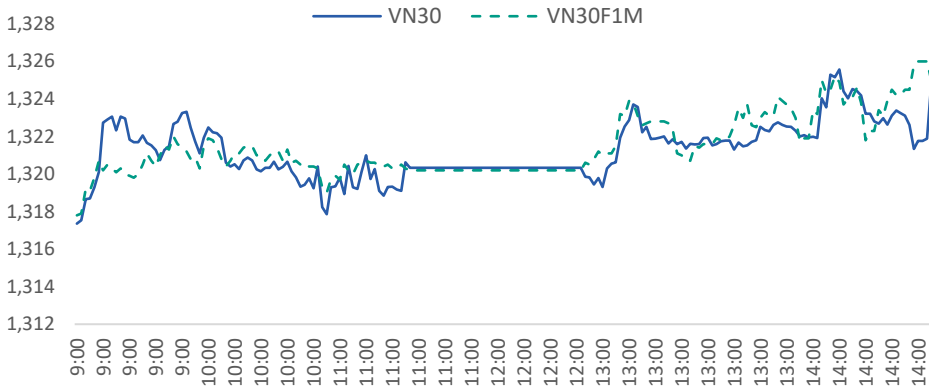
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1323.30	0.47%	37	-83.0%	9/18/2025	134
VN30F2512	1325.00	0.58%	32	-50.0%	12/18/2025	225
VN30F2505	1325.00	0.57%	142,297	-16.6%	5/15/2025	8
VN30F2506	1324.50	0.57%	384	-2.8%	6/19/2025	43

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +5.14 điểm, đóng cửa tại 1324.8 điểm. Biên độ dao động 9.67 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, LPB, TCB, VNM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng trong phiên chiều sau khi chịu áp lực bán của phiên sáng. Chiến lược là Long/Short linh hoạt đối với phái sinh, NĐT nên nắm giữ và quan sát thận trọng vận động của thị trường trong thời gian tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2403	5/14/2025	7	55,600	-86.98%	1.75	20	100.0%	4.05	1.81	13.90	13.90
CHPG2510	2/5/2026	274	6,200	-69.92%	2.90	1,580	56.4%	7.53	7.64	25.40	25.40
CVIC2504	7/21/2025	75	239,800	-64.59%	5.44	4,110	16.8%	13.60	25.99	73.40	73.40
CFPT2508	2/5/2026	274	9,100	-77.76%	16.00	1,050	16.7%	11.78	24.40	109.70	109.70
CVRE2408	8/14/2025	99	100	-68.11%	2.00	1,980	15.8%	7.64	7.94	24.90	24.90
CVIC2508	12/19/2025	226	175,800	-64.78%	6.10	3,950	15.2%	13.50	25.85	73.40	73.40
CVIC2407	6/30/2025	54	185,900	-59.47%	4.90	4,970	14.3%	13.71	29.75	73.40	73.40
CFPT2507	8/5/2025	90	9,300	-83.25%	15.50	360	12.5%	11.80	18.38	109.70	109.70
CVIC2507	11/19/2025	196	18,300	-64.32%	5.89	4,060	12.5%	13.53	26.19	73.40	73.40
CHPG2509	8/5/2025	90	37,000	-82.01%	2.80	590	11.3%	7.54	4.57	25.40	25.40
CHDB2501	6/30/2025	54	82,600	-87.21%	2.48	100	11.1%	9.24	2.68	20.95	20.95
CVIC2506	10/20/2025	166	9,400	-65.02%	5.78	3,980	10.9%	13.55	25.68	73.40	73.40
CVIC2505	9/19/2025	135	127,500	-64.71%	5.56	4,070	10.6%	13.59	25.91	73.40	73.40
CVIC2503	6/30/2025	54	10,700	-54.55%	4.26	9,700	10.1%	23.06	33.36	73.40	73.40
CVIC2405	7/28/2025	82	314,900	-51.47%	4.30	7,830	10.0%	17.29	35.62	73.40	73.40
CVHM2411	6/30/2025	54	100,800	-71.44%	5.06	2,530	9.5%	11.40	17.71	62.00	62.00
CVIC2502	10/27/2025	173	525,200	-52.18%	4.50	6,120	9.3%	13.80	35.10	73.40	73.40
CVIC2501	5/26/2025	19	234,900	-48.77%	4.00	6,720	9.3%	13.88	37.60	73.40	73.40
CVHM2406	7/28/2025	82	122,400	-70.06%	5.00	3,390	8.0%	14.26	18.56	62.00	62.00
CVHM2505	7/21/2025	75	60,600	-69.84%	5.00	2,740	7.9%	11.41	18.70	62.00	62.00

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 07/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2403 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CVIC2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.65%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVHM2408, CVIC2502, CVHM2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2503, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	73.40	4.11%	4.82
VHM	62.00	1.81%	1.60
LPB	32.20	1.42%	0.80
TCB	27.00	0.56%	0.43
VNM	57.20	0.53%	0.37

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MSN	60.90	-1.77%	-1.24
MWG	60.10	-0.66%	-0.63
MBB	23.25	-1.27%	-0.61
HDB	20.95	-1.41%	-0.48
HPG	25.40	-0.20%	-0.26

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	73.40	4.11%	2.73	3.82
VHM	62.00	1.81%	1.09	4.11
BSR	17.65	6.97%	0.90	3.10
HVN	34.95	4.17%	0.77	2.21
GVR	24.85	2.26%	0.53	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	13.00	7.44%	0.41	0.68
HUT	12.80	2.40%	0.17	0.89
IDC	37.50	2.18%	0.17	0.33
KSF	64.70	1.25%	0.15	0.30
PVS	26.60	1.14%	0.09	0.48

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVH	14.55	6.99%	0.01	0.63
BSR	17.65	6.97%	0.90	6.78
NLG	30.70	6.97%	0.20	6.57
CSM	13.05	6.97%	0.02	1.52
VNE	3.55	6.93%	0.00	0.63

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KHS	23.30	9.91%	0.10	0.21
VNT	34.40	9.90%	0.20	0.00
PRC	37.10	9.76%	0.02	0.04
PMB	11.30	9.71%	0.05	0.12
DC2	6.80	9.68%	0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	23.25	-1.27%	-0.43	6.10
MSN	60.90	-1.77%	-0.37	1.44
HDB	20.95	-1.41%	-0.24	3.50
CTG	37.45	-0.40%	-0.19	5.37
MWG	60.10	-0.66%	-0.14	1.48

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

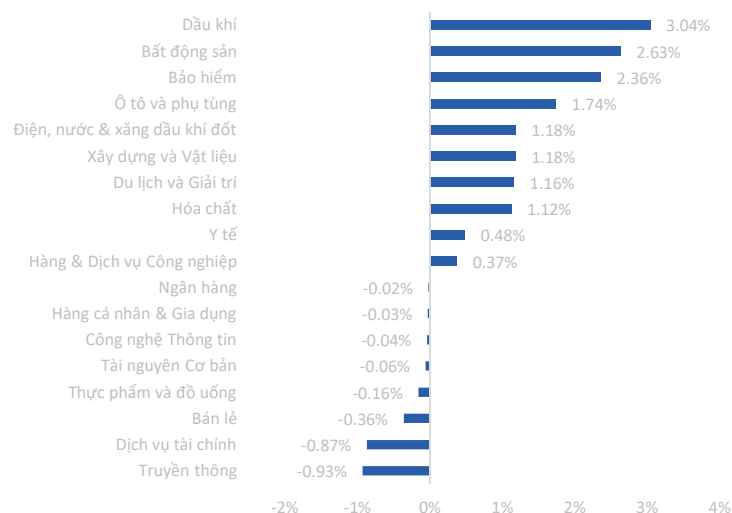
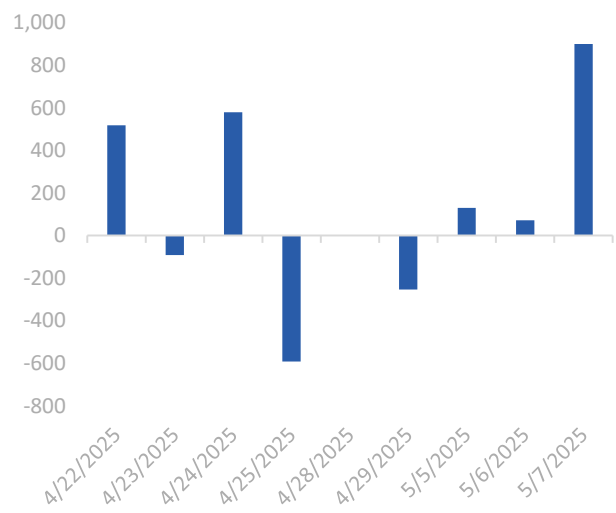
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	54.60	-2.15%	-0.17	0.23
KSV	193.70	-0.67%	-0.16	0.20
NTP	72.80	-1.22%	-0.08	0.14
NVB	10.20	-0.97%	-0.07	1.17
MBS	26.60	-0.75%	-0.07	0.57

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HRC	33.10	-6.89%	-0.02	0.00
STG	33.00	-5.71%	-0.04	0.00
BHN	35.95	-5.27%	-0.10	0.00
VPH	5.20	-3.70%	0.00	0.06
TCD	1.85	-3.65%	-0.01	0.99

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNC	70.60	-9.95%	-0.20	0.00
PJC	27.20	-9.93%	-0.07	0.00
HJS	29.70	-9.73%	-0.22	0.02
HTC	28.80	-9.72%	-0.16	0.00
VHL	9.50	-9.52%	-0.08	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.1	-0.7%	1.6	89,475	491.3	2,982	20.3		46.8%	
KBC	Bất động sản	24.3	3.4%	1.8	18,039	263.3	1,629	14.4		15.7%	
KDH	Bất động sản	28.6	5.5%	1.3	27,402	151.7	896	30.2		35.6%	
PDR	Bất động sản	16.6	2.8%	1.8	14,652	201.3	181	89.4	23,600	7.9%	Link
VHM	Bất động sản	62.0	1.8%	0.9	250,141	314.3	7,766	7.8	58,200	12.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	109.7	0.0%	1.0	161,376	480.6	5,618	19.5	163,000	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	17.7	7.0%	0.0	51,158	117.2	(37)	-448.9		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.6	1.1%	1.3	12,571	135.3	2,303	11.4	40,300	15.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.3	-0.8%	1.6	18,359	197.6	1,394	18.3		39.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	22.9	-1.3%	1.4	45,417	433.1	1,546	15.0		35.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.4	-1.6%	1.6	26,570	312.6	1,602	23.1		30.3%	
DCM	Hóa chất	34.2	1.2%	1.6	17,894	78.8	2,805	12.1	37,800	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	92.1	-1.3%	1.4	35,433	110.9	8,224	11.3	108,500	15.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	0.0%	0.7	107,200	228.5	3,708	6.5	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	34.9	-0.1%	0.8	245,397	73.9	3,643	9.6	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	37.5	-0.4%	1.0	201,912	237.6	4,806	7.8	50,000	26.7%	Link
HDB	Ngân hàng	21.0	-1.4%	1.1	74,270	247.8	3,985	5.3		16.8%	
MBB	Ngân hàng	23.3	-1.3%	0.9	143,709	512.1	4,049	5.8	26,300	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.2	-0.4%	1.1	29,250	100.5	2,150	5.2	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	38.9	0.0%	1.1	73,241	441.2	5,767	6.7		20.9%	
TCB	Ngân hàng	27.0	0.6%	1.1	189,691	458.3	3,013	8.9	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.9	0.7%	0.9	36,459	169.1	2,383	5.8	-	23.0%	Link
VCB	Ngân hàng	57.0	0.0%	0.6	476,273	145.3	4,063	14.0		22.5%	
VIB	Ngân hàng	17.5	-0.3%	1.1	52,135	91.6	2,400	7.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.0	0.6%	1.0	134,083	173.2	2,030	8.3	24,000	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.4	-0.2%	1.2	162,785	300.8	1,954	13.0	37,500	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.6	1.0%	1.7	8,942	72.5	749	19.2	16,800	5.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	0.0%	1.5	9,220	112.5	3,930	7.0	32,200	2.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	60.9	-1.8%	1.6	89,178	205.4	1,518	40.8		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.2	0.5%	0.7	118,918	166.1	4,194	13.6		48.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.0	-0.75%	1.7	7,276	21.9	2,098	15.8	18.8%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	173.2	0.81%	1.1	23,406	85.3	3,279	52.4	32.2%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	49.0	3.16%	0.9	35,260	64.2	2,975	16.0	26.9%	9.7%	
DIG	Bất động sản	15.7	2.29%	1.6	9,331	192.7	321	47.6	3.0%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.0	4.58%	1.7	13,324	336.3	372	41.1	20.9%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	23.4	5.64%	1.2	3,951	150.7	436	50.8	3.1%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.5	2.73%	1.4	8,022	83.3	839	28.4	19.6%	4.6%	
IDC	Bất động sản	37.5	2.18%	1.2	12,111	98.9	4,982	7.4	16.6%	31.2%	
NLG	Bất động sản	30.7	6.97%	1.3	11,052	196.2	1,827	15.7	38.0%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	66.0	0.61%	0.0	13,811	23.1	6,076	10.8	4.6%	29.7%	
SZC	Bất động sản	31.1	1.31%	1.4	5,517	62.6	2,036	15.1	2.6%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	17.6	2.03%	1.4	11,493	188.5	1,279	13.4	9.3%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	73.4	4.11%	1.0	269,568	1127.1	2,823	25.0	7.6%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.9	0.00%	1.3	56,581	255.7	1,844	13.5	19.8%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.3	0.00%	0.8	7,026	52.2	1,654	20.1	36.6%	12.5%	
PLX	Dầu khí	33.5	-1.18%	0.9	43,073	68.1	1,535	22.1	17.4%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.3	1.11%	1.4	10,034	116.6	1,246	14.5	8.0%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.6	-1.18%	1.9	11,625	80.5	1,816	20.9	27.8%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.6	-0.75%	1.8	15,351	72.9	1,650	16.2	6.8%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.5	1.51%	0.8	139,623	54.8	4,543	13.1	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.7	4.10%	1.0	28,571	338.6	606	20.1	3.7%	4.4%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.5	-0.29%	1.0	32,830	43.4	4,511	15.5	49.0%	11.4%	
VJC	Du lịch và Giải trí	88.9	-0.11%	0.6	48,203	58.5	2,825	31.5	12.5%	9.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	29.8	4.02%	1.8	24,580	383.4	2,052	13.9	9.8%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.0	-2.26%	1.1	22,354	133.0	3,797	14.0	39.8%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.5	4.72%	1.4	8,248	113.6	5,594	11.4	12.8%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.8	0.93%	1.2	7,690	44.4	3,026	7.1	11.3%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112.5	-1.75%	0.0	13,944	82.3	3,235	35.4	6.7%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	72.8	-1.09%	0.8	24,870	90.7	6,105	12.1	46.7%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.1	2.56%	0.9	2,984	79.7	2,869	10.2	49.7%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.5	0.00%	1.3	2,146	23.7	2,580	6.8	17.1%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.9	1.19%	1.5	13,110	62.3	1,223	27.4	8.7%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	24.9	2.26%	1.9	97,200	108.4	1,174	20.7	0.6%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.0	0.00%	0.9	35,392	124.1	1,856	10.2	4.0%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.2	1.42%	0.9	94,846	64.2	3,333	9.5	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.0	-1.16%	0.0	23,608	17.6	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.5	0.48%	1.1	25,767	12.9	1,189	8.8	19.1%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.3	1.23%	1.7	5,438	70.9	1,122	10.8	5.3%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.8	0.32%	1.5	4,180	10.7	612	25.7	0.7%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.5	-0.72%	0.8	10,565	60.2	1,449	24.0	2.9%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.1	0.42%	1.0	61,371	42.0	3,217	14.9	59.3%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.8	0.19%	1.2	11,604	48.7	6,721	7.7	23.1%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	143.7	-0.21%	0.8	11,788	26.0	13,288	10.8	85.3%	38.6%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.9	-2.75%	1.3	8,004	96.0	3,238	24.7	48.9%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	88.5	-0.90%	1.3	10,215	41.0	4,754	18.8	7.8%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	51.9	1.57%	1.4	3,219	32.3	3,738	13.7	7.8%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.41%	1.7	5,230	65.0	1,103	11.0	8.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.3	4.94%	1.4	7,600	78.3	1,217	17.5	16.6%	8.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.6	0.70%	1.6	12,840	122.3	988	21.7	7.0%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.3	2.23%	1.4	18,091	32.2	2,720	14.8	5.4%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
4	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
5	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
18	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
23	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>